

Soạn bài Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân (tiếp theo)

Câu 1. Từ *nách* là một từ phổ biến, quen thuộc với mọi người nói tiếng Việt với nghĩa "mặt dưới chỗ cánh tay nối với ngực" (Từ điển tiếng Việt - Hoàng Phê chủ biên). Nhưng trong câu thơ dưới đây, Nguyễn Du đã có sự sáng tạo riêng khi dùng từ *nách* như thế nào?

Trả lời:

- Từ *nách* trong câu thơ trên của Nguyễn Du chỉ góc tường.
- Trong câu thơ này, Nguyễn Du đã chuyển nghĩa cho từ *nách* từ mang nghĩa chỉ vị trí trên thân thể con người sang nghĩa chỉ vị trí giao nhau giữa hai bức tường tạo nên một góc. Như thế từ *nách* trong câu thơ của Nguyễn Du được dùng theo nghĩa chuyển. Nó được chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ. Nếu thay từ *nách* bằng góc tường thì giá trị của câu thơ sẽ giảm đi rất nhiều.

Câu 2. Trong mỗi câu thơ sau, từ *xuân* được dùng theo sự sáng tạo riêng của mỗi nhà thơ như thế nào? Hãy phân tích nghĩa của từ *xuân* trong lời thơ của mỗi người?

Trả lời:

Từ *xuân* vốn mang nghĩa phổ quát là: "Mùa chuyển tiếp từ đông sang hạ, thời tiết ấm dần lên, thường được coi là mở đầu của năm" (Từ điển tiếng Việt - Hoàng Phê chủ biên) nhưng xuất hiện trong văn chương, từ *xuân* lại mang nhiều nghĩa khác nhau:

- Trong câu thơ: *Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại* (Hồ Xuân Hương). Từ *xuân* thứ nhất chỉ tuổi xuân, còn từ *xuân* thứ hai lại chỉ mùa xuân đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân càng khiến cho nhà thơ thêm buồn tủi, chán chường...
- Trong câu thơ sau của Nguyễn Du: *Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay*. Từ *xuân* trong cành xuân chỉ vẻ đẹp, tuổi xuân của người con gái.
- Từ *xuân* (bầu xuân) trong câu thơ của Nguyễn Khuyến: *Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân*, có nghĩa chỉ chất men say nồng của rượu ngon, đồng thời cũng có nghĩa bóng chỉ sức sống dạt dào của tuổi trẻ, chỉ tình cảm bạn bè thắm thiết.
- Trong câu thơ của Hồ Chí Minh: *Mùa xuân là tết trồng cây, / Làm cho đất nước càng ngày càng xuân*. Từ *xuân* thứ nhất có nghĩa gốc chỉ mùa xuân, mùa đầu tiên của năm, trong khi đó từ *xuân* thứ hai chỉ sức sống mới và sự tươi đẹp.

Câu 3. Cùng là từ *mặt trời* trong ngôn ngữ chung, nhưng mỗi tác giả trong những câu thơ sau đã có sáng tạo như thế nào khi sử dụng ?

Trả lời:

Từ "mặt trời" trong từ điển có nghĩa là: "Thiên thể nóng sáng, ở xa Trái Đất, là nguồn chiếu sáng và sưởi ấm chủ yếu cho Trái Đất". Trong khi đó ở những câu thơ dưới đây, nó lại được dùng để chỉ những hàm nghĩa khác nhau:

Soạn bài Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân (tiếp theo)

a) Trong hai câu thơ của Huy Cận:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa.

Sóng đã cài then, đêm sập cửa.

Từ *mặt trời* được dùng với nghĩa gốc.

b) Trong khi đó, ở hai câu thơ của Tố Hữu:

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ,

Mặt trời chân lí chói qua tim.

Từ *mặt trời* lại mang ý nghĩa chỉ chân lí, lí tưởng cách mạng.

c) Trong bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*, Nguyễn Khoa Điềm viết:

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ con nằm trên lưng.

Trong hai câu thơ này, từ *mặt trời* thứ nhất cũng được dùng với nghĩa gốc, từ *mặt trời* thứ hai được dùng với nghĩa ẩn dụ, chỉ đứa con của người mẹ. Đối với người mẹ, đứa con là cả một niềm hạnh phúc, niềm tin, mang ánh sáng cho cuộc đời của mẹ.

Câu 4. Theo anh (chị), trong những câu sau, từ nào là từ mới được tạo ra trong thời gian gần đây? Chúng được tạo ra dựa vào những tiếng nào có sẵn và theo phương thức cấu tạo từ như thế nào?

Trả lời:

Trong ba câu đã cho (SGK Ngữ văn 11, tập 1, trang 36), các câu a, b có hai từ do cá nhân tạo ra, chưa có trong ngôn ngữ chung của xã hội. Chúng được tạo ra trên cơ sở một tiếng đã có sẵn cùng với quy tắc cấu tạo chung hoặc chỉ dựa vào quy tắc (mô hình, kiểu) cấu tạo chung.

a) Ở câu a, từ *mọn mọn* được cá nhân tạo ra khi dựa vào:

- Tiếng *mọn* với nghĩa là "nhỏ đến mức không đáng kể".

- Những quy tắc cấu tạo chung như:

+ Quy tắc tạo từ láy hai tiếng, lặp lại phụ âm đầu (âm m).

+ Trong hai tiếng, tiếng gốc (*mọn*) đặt trước, tiếng láy đặt sau.

Soạn bài Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân (tiếp theo)

+ Tiếng láy lặp lại phụ âm đầu, nhưng đổi vần thành vần ăn.

Đây là quy tắc tạo từ láy phổ biến trong tiếng Việt. Các từ cùng loại như: nhỏ nhắn, xinh xắn, đều đặn, may mắn, khoẻ khoắn, lành lặn, thẳng thắn, vừa vặn,...

Từ những phân tích trên, có thể thấy, từ mọn mẫn trong trường hợp này được dùng với nghĩa: nhỏ nhặt, tầm thường, không đáng kể.

b) Trong câu b, từ *giỏi giắn* cũng được tạo ra theo những quy tắc như trên: láy phụ âm đầu, tiếng thứ hai mang vần ăn. Từ *giỏi giắn* cũng có nghĩa: rất giỏi (sắc thái biểu cảm thể hiện sự mến mộ, thiện cảm).

c) Trong câu c, từ *nội soi* được tạo ra từ hai tiếng có sẵn trong ngôn ngữ là *nội* và *soi*, đồng thời dựa vào phương thức cấu tạo từ ghép chính phụ có tiếng chính chỉ hoạt động (đi sau) và tiếng phụ bổ sung ý nghĩa (đi trước). Phương thức cấu tạo từ này giống với phương thức tạo ra các từ như: ngoại xâm, ngoại nhập,...